

Số: **11** /2019/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày **26** tháng **02** năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định chế độ miễn, giảm về tiền thuê đất và giá cho thuê cơ sở hạ tầng đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ - CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 138/2013/TT-BTC ngày 09/10/2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung của Luật Giám định tư pháp và Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông báo số 1443-TB/TU ngày 25/9/2018 của Tỉnh ủy Vĩnh Phúc về chủ trương ban hành chính sách miễn, giảm tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp tại các đô thị trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ văn bản số 02/TB-TTHĐND ngày 19/02/2019 của HĐND tỉnh về thông báo kết luận của Thường trực HĐND tỉnh tại phiên họp ngày 19/02/2019;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 17/TTr-STC ngày 08/01/2019 và Báo cáo thẩm định văn bản quy phạm pháp luật số 02/BC-STP ngày 04/01/2019 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định chế độ miễn, giảm về tiền thuê đất và giá thuê cơ sở hạ tầng đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 8 tháng 3 năm 2019.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- Cục KTVB - Bộ Tư Pháp;
- Bộ Tài chính (b/c);
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các tổ chức đoàn thể
- CPCT, CPVP;
- Báo VP, Đài PTTH VP, UBMTTQ và các đoàn thể;
- Cổng thông tin điện tử;
- Website Chính phủ;
- Như Điều 2;
- CVNCTH;
- Lưu: VT,
- (60.b) *us*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Việt Văn

QUY ĐỊNH

Chế độ miễn, giảm tiền thuê đất và giá thuê cơ sở hạ tầng đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 11/2019/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất tại các đô thị; cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Đối tượng áp dụng: Theo Khoản 2, Điều 1, Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ.

Điều 2. Điều kiện được hưởng chính sách ưu đãi về tiền thuê đất; cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng.

Cơ sở thực hiện xã hội hóa phải đáp ứng đầy đủ các quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và giám định tư pháp và Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 6/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính Phủ.

Điều 3. Chế độ miễn, giảm tiền thuê đất:

1. Đối với các dự án thuộc lĩnh vực môi trường: Các dự án quy định tại Phụ lục III - Danh mục hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ ban hành kèm theo Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ được miễn 100% tiền thuê đất phải nộp.

2. Đối với các dự án thuộc các lĩnh vực: Y tế, Giáo dục - đào tạo, dạy nghề, văn hóa, thể thao, giám định tư pháp:

a) Đầu tư tại thành phố Vĩnh Yên và thành phố Phúc Yên: Giảm 90% tiền thuê đất phải nộp;

b) Đầu tư tại địa bàn các huyện Bình Xuyên, Vĩnh Tường, Yên Lạc, Tam Dương, Sông Lô, Lập Thạch và Tam Đảo: Giảm 100% tiền thuê đất phải nộp;

Điều 4. Giá cho thuê cơ sở hạ tầng và công trình xã hội hóa

1. Trên cơ sở quỹ nhà, cơ sở hạ tầng hiện có, UBND tỉnh xem xét, quyết định cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê có thời hạn.

2. Giá thuê: Giá thuê nhà, cơ sở hạ tầng được hình thành trên cơ sở giá thuê tài sản trên đất và tiền thuê đất (nếu có). Trong đó:

a) Tiền thuê đất: Miễn, giảm theo Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008, Nghị định 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ và quy định tại Điều 3 quyết định này.

b) Giá thuê tài sản trên đất không bao gồm tiền thuê đất: Tính bằng mức giá thuê tối thiểu được xác định theo nguyên tắc bảo toàn chi phí hình thành nên tài sản cho thuê và bù đắp chi phí bảo trì, bảo dưỡng theo hướng dẫn tại điểm 3.2 Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính.

Điều 5. Trách nhiệm của các Sở, ngành

1. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan trong việc tham gia xác định phần kinh phí đã được UBND tỉnh hỗ trợ đầu tư phải hoàn trả đối với các dự án đầu tư thực hiện không đúng mục đích, không hiệu quả.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, hướng dẫn cơ sở thực hiện xã hội hóa thủ tục thu hồi giao đất đáp ứng nhu cầu phát triển các lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa.

3. Cục Thuế tỉnh

Hướng dẫn cơ sở thực hiện xã hội hóa thủ tục đăng ký thuế, kê khai thuế, miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì thẩm định hồ sơ trình UBND tỉnh ban hành Quyết định chủ trương đầu tư, thực hiện cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho các dự án thực hiện xã hội hóa theo quy định của Luật Đầu tư và các quy định có liên quan.

5. Sở Xây dựng

a) Rà soát, lập quy hoạch xây dựng và cấp phép xây dựng cho các dự án xã hội hóa.

b) Chủ trì phối kết hợp với Sở Tài chính căn cứ quy định hiện hành thẩm định giá thuê nhà, cơ sở hạ tầng cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê có thời hạn.

6. Các Sở chuyên ngành (Tur pháp; Giáo dục và Đào tạo; Lao động Thương binh và Xã hội; Y tế; Văn hóa Thể thao và Du lịch).

a) Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/07/2013, Quyết định số 1466/QĐ-TTg và các quy định hiện hành phối hợp cùng Sở Kế hoạch và đầu tư thẩm định về điều kiện thành lập và hoạt động của các cơ sở thực hiện xã hội hóa.

b) Chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn các cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực quản lý về trình tự thủ tục thực hiện, nội dung hoạt động.

c) Định kỳ hàng năm, tổng hợp tình hình thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực quản lý báo cáo UBND tỉnh, các Bộ chuyên ngành theo quy định, đồng thời gửi Sở Tài chính và Cục Thống kê tỉnh;

Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

1. Phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định nhu cầu sử dụng đất của các lĩnh vực xã hội hóa trên địa bàn để xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đáp ứng nhu cầu phát triển.

2. Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất dành cho các lĩnh vực xã hội hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ sở thực hiện xã hội hóa

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 16, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường.

2. Tổ chức triển khai dự án đúng tiến độ và đúng nội dung đã đăng ký; chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước trong quá trình triển khai thực hiện dự án; trường hợp thực hiện chậm tiến độ hoặc không đầy đủ theo nội dung đã đăng ký thì tùy theo mức độ vi phạm, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét, xử lý thu hồi đất hoặc chấm dứt thực hiện chính sách ưu đãi theo quy định.

Điều 8. Điều khoản thi hành

Các Giám đốc Sở; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; cơ sở thực hiện xã hội hóa và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh bằng văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vũ Việt Văn